

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày: 28-8-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Minh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đức Lam.
- Ông Đinh Hữu Luynh.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Mỹ Dung; Thư ký Toà án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Duy Lợi; Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2024/HSST ngày 12/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HS ngày 12/8/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Anh G; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18/10/1988, tại Thanh Hoá; Nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1963 và con bà Quách Thị N, sinh 1961, hiện ở thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Chi em ruột: Có 01 người, sinh năm 1985, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1991; Con: có 03 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/3/2024 đến ngày 05/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Chu H1, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: Hẻm I K, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Bà Lục Thị Lan A, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: Số C đường B thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. Ông Nguyễn K, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

4. Bà Thiều Thụy Thanh H2, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

5. Bà Tou Prong T1, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2023, Lê Anh G từ tỉnh Thanh Hóa vào huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuê trọ ở tại thôn S, xã Đ, huyện Đ để làm công việc cho vay tiền lấy lãi. G đăng tin và số điện thoại 0582.714.444 lên trang Facebook “Cho vay tiền Đ, Đức T2, Đon D” và phát tờ rơi để tìm kiếm người có nhu cầu vay tiền. Khi có người liên lạc hỏi vay tiền thì G sẽ hỏi thông tin và trực tiếp đến nhà để kiểm tra, xem xét thông tin, hoàn cảnh gia đình của người vay. Khi đủ điều kiện thì G sẽ thỏa thuận cho vay tiền với 02 (hai) hình thức là “vay đứng” và “vay trả góp” với mức lãi xuất từ 192,1%/năm đến 912,5%/năm cụ thể:

Hình thức “vay đứng”: là người vay phải trả tiền lãi hàng ngày, mỗi ngày 25.000đ/1.000.000đ đối với số tiền gốc vay, người vay tiền không bắt buộc phải trả tiền gốc mà có thể trả khi nào họ muốn, khi người vay trả hết tiền gốc thì sẽ ngừng việc thu tiền lãi. Khi vay trả phí hồ sơ dao động theo số tiền vay là 10.000.000đ thì 500.000đ phí hồ sơ, 20.000.000đ thì 1.000.000đ phí hồ sơ.

Hình thức “vay trả góp”: là người vay phải trả tiền gốc vay và tiền lãi hàng ngày trong thời hạn từ 19 đến 25 ngày (cụ thể cho vay 20.000.000đ trong thời hạn 24 ngày thì trả góp 01 ngày là 1.000.000đ). Khi vay tiền lần sau thì phải trả hết hoặc trả một số ngày còn thiếu của những lần vay trước, nếu chưa trả đủ thì khi cho vay tiếp sẽ trừ trực tiếp vào khoản vay mới và chỉ đưa cho người vay số tiền còn lại sau khi đã trừ. Khi vay phải trả phí hồ sơ dao động theo số tiền vay là cứ 10.000.000đ thì trả 500.000đ phí hồ sơ.

Từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023, Lê Anh G đã cho 05 (năm) người vay tiền với hình thức và các khoản vay khác nhau. G dùng ứng dụng T3 tính (Exel) trên điện thoại iphone 8 để ghi chép lại hoạt động cho vay tiền, dùng ứng dụng Zalo, tên “Họ và tên Lê Thiên L” trên điện thoại iphone 11 promax và điện thoại Nokia gắn sim số 0582.714.444 để liên lạc, trao đổi với người vay tiền cụ thể như sau:

Đối với ông Nguyễn Chu H1: Từ ngày 20/8/2023 đến ngày 24/12/2023, ông H1 vay của G1 (bốn) lần, hình thức “vay đứng” với tổng số tiền gốc vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất là 25.000đ/1 triệu/ ngày. Lãi suất năm là: 912,5% (gấp 45,63 lần lãi suất cho phép là 20%/năm), tổng số tiền lãi đã thu là: 81.750.000đ, số tiền phí hồ sơ thu là: 4.500.000đ, tổng số tiền lãi hợp

pháp (20%/năm theo quy định của pháp luật) là: 1.791.781đ, tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 84.458.219đ (tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười chín đồng).

Đối với bà [Lục Thị Lan A](#): Từ ngày 20/02/2023 đến 10/12/2023, bà [Lan A](#) vay của [G](#) 29 (hai mươi chín) lần, kỳ hạn vay từ 24 đến 25 ngày, hình thức “vay trả góp” với tổng số tiền gốc vay là 610.000.000đ, lãi suất một năm đối với gói vay kỳ hạn 24 ngày là: 228,13% (gấp 11,4 lần lãi suất cho phép là 20%/năm). Lãi suất một năm đối với gói vay kỳ hạn 25 ngày: 292% (gấp 14,6 lần lãi suất cho phép là 20%/năm), tổng số tiền lãi đã thu là: 103.166.667đ, tổng số tiền phí hồ sơ là: 30.500.000đ, tổng số tiền lãi hợp pháp (20%/năm) là: 8.049.315đ, tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 125.617.352đ (một trăm hai lăm triệu sáu trăm mười bảy nghìn ba trăm năm mươi hai đồng).

Đối với [Nguyễn K](#): Ngày 18/12/2023, ông [K](#) vay của [G](#) 01 (một) lần, kỳ hạn vay 21 ngày, hình thức “vay trả góp” với số tiền gốc vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp 01 ngày là 600.000đ, lãi suất một năm là: 278,1% (gấp 13,9 lần lãi suất cho phép là 20%/năm), tiền lãi đã thu là: 1.600.000đ, tiền phí hồ sơ là: 1.000.000đ, số tiền thu lợi hợp pháp (20%/năm) là: 115.068đ, số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 2.484.932đ (hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

Đối với bà [Thiều Thụy Thanh H2](#): Từ ngày 24/11/2023 đến ngày 08/01/2024, bà [H2](#) vay của [G2](#) (năm) lần, kỳ hạn vay 20 hoặc 21 ngày, hình thức “vay trả góp” với tổng số tiền gốc vay là 125.000.000đ, lãi suất một năm đối với gói vay kỳ hạn 20 ngày là: 243,3% (gấp 12,2 lần lãi suất cho phép là 20%/năm), lãi suất một năm đối với gói vay kỳ hạn 21 ngày là: 347,6% (gấp 17,4 lần lãi suất cho phép là 20%/năm), tổng số tiền lãi đã thu là: 23.500.000đ, tổng số tiền phí hồ sơ là: 7.500.000đ, tổng số tiền lãi hợp pháp (20%/năm) là: 1.424.658đ, tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 29.575.342đ (hai mươi chín triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

Đối với bà [Tou Prong T1](#): Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 14/3/2023, bà [T1](#) vay của [G](#) 02 (hai) lần, kỳ hạn vay 19 và 21 ngày, hình thức “vay trả góp” với tổng số tiền gốc vay là 95.000.000đ, lãi suất một năm đối với gói vay kỳ hạn 19 ngày: 192,1% (gấp 9,6 lần lãi suất cho phép là 20%/năm), lãi suất một năm đối với gói vay kỳ hạn 21 ngày: 347,6% (gấp 17,38 lần lãi suất cho phép là 20%/năm), tổng số tiền lãi đã thu là: 15.500.000đ, tổng tiền phí hồ sơ là: 5.000.000đ, tổng số tiền lãi hợp pháp (20%/năm) là: 1.054.795đ, tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 19.445.205đ (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng),

Tất cả những lần cho vay tiền [G](#) đều chuyển khoản cho những người trên và khi đóng tiền gốc lãi thì những người trên cũng đều chuyển khoản cho [G](#) qua chuyển khoản ngân hàng (dịch vụ Banking). [G](#) sử dụng 02 (hai) tài khoản Ngân hàng gồm: [Ngân hàng TMCP Q \(M\)](#), số 8410181622078 và [Ngân hàng TMCP T6 \(T7\)](#), số 13571987007.

Ngoài ra, [G](#) còn mượn tài khoản [ngân hàng TMCP Q \(MB\)](#) của [Lê Văn H3](#), số 0962633077 để nhận tiền gốc lãi.

Như vậy từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023, [Lê Anh G](#) đã cho 05 (năm) người vay tiền trong giao dịch dân sự với lãi suất từ 192,1%/năm đến 912,5%/năm (gấp từ 9,6 đến 45,6 lần lãi suất quy định tại bộ luật dân sự là 20%/năm), với số tiền gốc là 890.000.000đ, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 261.581.050đ (hai trăm sáu mươi một triệu năm trăm tám mươi một nghìn không trăm năm mươi đồng).

Cáo trạng số 51/CT-VKS-ĐD ngày 12/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương truy tố bị can [Lê Anh G](#) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo [Lê Anh G](#) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Lê Anh G](#) từ 200 triệu đồng đến 250 triệu đồng.

Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 03 điện thoại di động thu của [G](#); số tiền 56.273.973đ do ông [Nguyễn Chu H1](#) và bà [Lục Thị Lan A](#) nộp. Buộc [Lê Anh G](#) nộp số tiền gốc cho vay chưa thu hồi được là 833.726.027đ và số tiền thu lợi là 11.435.617đ để sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận: đầu năm 2023, bị cáo [Lê Anh G](#) từ [tỉnh Thanh Hóa vào huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#) thuê trọ ở tại [thôn S, xã Đ, huyện Đ](#) để cho vay tiền lấy lãi. Bị cáo đăng tin và số điện thoại 0582.714.444 lên trang Facebook và phát tờ rơi để tìm kiếm người có nhu cầu vay tiền. Khi có người liên lạc hỏi vay tiền thì [G](#) sẽ hỏi thông tin và trực tiếp đến nhà để kiểm tra, xem xét thông tin, hoàn cảnh gia đình của người vay. Khi đủ điều kiện thì bị cáo [G](#) thỏa thuận cho vay tiền với 02 (hai) hình thức là “vay đứng” và “vay trả góp” với mức lãi xuất từ 192,1%/năm đến 912,5%/năm. Từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023, bị cáo đã cho 05 (năm) người vay tiền, với số tiền gốc là 890.000.000đ, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 261.581.050đ như cáo trạng nêu.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện Đ](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân [huyện Đ](#), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào đầu năm 2023, [Lê Anh G](#) đã đến thuê nhà trọ tại [xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#) để hoạt động cho vay lãi nặng. Từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023 [G](#) đã cho 05 người vay với các hình thức vay khác nhau với lãi suất từ 192,1%/năm đến 912,5%/năm (gấp từ 9,6 đến 45,6 lần lãi suất quy định tại bộ luật dân sự là 20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 261.581.050đ.

Hành vi của [Lê Anh G](#) đã phạm vào tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Xét hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo lợi dụng những người dân gặp khó khăn đã cho vay với lãi suất gấp nhiều lần mức lãi suất cao nhất được Bộ luật Dân sự quy định, cụ thể gấp từ 9,6 đến 45,6 lần, thu lợi bất chính với số tiền lớn.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo [Lê Anh G](#) đã khắc phục hậu quả trả lại tiền thu lợi bất hợp pháp cho những người vay; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích vì vụ lợi. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, xét cần xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa chung.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật, xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra thu giữ của [Lê Anh G](#): 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng; số Imei1: 353895106557511; số Imei2: 353895106365287; bên trong gắn sim số: 0981622078; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8, màu trắng; số Imei1: 356764085171453; bên trong gắn

sim thuê bao số: 0869524544, tình trạng: bị vỡ góc trên bên trái mặt trước, vỡ góc trên bên trái và góc dưới bên phải mặt sau; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu hồng, có bàn phím bấm, số sê ri 1: 353482155880266; số sê ri 2: 353482155880264, bên trong gắn sim số 0582714444 và 0865832862. Đây là các điện thoại G sử dụng cho việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Tạm giữ của ông Nguyễn Chu H1 số tiền 50.000.000đ, của bà Lục Thi Lan A, số tiền 6.273.973đ. Đây là tiền gốc của G cho vay liên quan tới vụ án nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc cho vay chưa thu hồi được với tổng số tiền là 833.726.027đ. Đây là phương tiện phạm tội nên buộc G phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền mà G thu lợi hợp pháp là 11.435.617đ. Đây là khoản tiền do phạm tội mà có nên buộc G phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) thẻ căn cước công dân số 038088006649 tên Lê Anh G; 01 (một) thẻ căn cước công dân số 068084002167 tên Nguyễn K; 01 (một) thẻ căn cước công dân số 068187004158 tên Thiều Thụy Thanh H2 hiện đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đề cập đến.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo G và bà Lê Thị H (là vợ G) đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính là 261.581.050đ gồm: Trả cho ông Nguyễn Chu H1 số tiền 84.458.219đ tiền lãi và số tiền chuyển nhậm dư là 250.000đ. Tổng hai khoản là 84.708.219đ; Trả cho bà Lục Thi Lan A số tiền 125.617.352đ; Trả cho ông Nguyễn K số tiền 2.484.932đ; Trả cho bà T4 Thụy Thanh H2 số tiền 29.575.342đ; Trả cho bà T5 Prong Thom số tiền 19.445.205đ. Sau khi nhận những người vay không có ý kiến gì nên không xem xét.

[8] Đối với Lê Văn H3 cho G mượn tài khoản ngân hàng TMCP Q để nhận tiền gốc và lãi, tuy nhiên ông H3 không biết việc G cho vay lãi nặng nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Anh G phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Anh G 250.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng; số Imei1: 353895106557511; số Imei2: 353895106365287; bên trong gắn sim số: 0981622078; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8, màu trắng; số Imei1: 356764085171453; bên trong gắn sim thuê bao số: 0869524544, tình trạng: bị vỡ góc trên bên trái mặt trước, vỡ góc trên bên trái và góc dưới bên phải mặt sau; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu hồng, có bàn phím bấm, số sê ri 1: 353482155880266; số sê ri 2: 353482155880264, bên trong gắn sim số 0582714444 và 0865832862; số tiền 56.273.973đ do ông [Nguyễn Chu H1](#) và bà [Luc Thi Lan A](#) nộp.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương và Biên lai thu số 0000708 ngày 17/7/2024.

Buộc [Lê Anh G](#) nộp số tiền gốc cho vay chưa thu hồi được là 833.726.027đ và số tiền thu lợi là 11.435.617đ để sung ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo [Lê Anh G](#) phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an huyện Đơn Dương;
- Thi hành án HS, DS huyện Đơn Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng

